TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST Ngày 30-6-2023 V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hào

Ông Phạm Văn Thọ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: Số 7/165 đường Tr, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị An Ph, sinh năm 1987.

Nguyên quán: Xóm Tr, xã T, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: 19, Tổ 7 Đông An, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Hiện đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

Tại phiên tòa anh T, chị Ph vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị An Ph tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc sau đó thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Sau khi sinh cháu thứ hai, chị Ph đưa hai con về nhà

mẹ đẻ sống, sau đó chị Ph xuất khẩu lao động và sinh sống tại Nhật Bản. Do khoảng cách địa lý xa cách, anh chị ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, anh đề nghị Tòa án xử cho anh ly hôn chị Ph.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Phương Th, sinh ngày 27/02/2011 và Trần Bảo Tr sinh ngày 06/8/2016, ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung. Anh đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị An Ph trợ cấp nuôi con chung là 2.500.000 đồng/1 cháu, hai cháu là 5.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị An Ph trình bày: Chị thống nhất với lời khai anh T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn hai bên không thể hàn gắn, nên chị đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ngày 30/5/2023 chị đã kết thúc hợp đồng lao động với công ty Nhật Bản và trở về Việt Nam để tập trung chăm sóc các con. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Phương Th cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Trần Bảo Tr cho chị nuôi dưỡng. Chị có chỗ ở ổn định là nhà bố mẹ đẻ ở Hưng Yên, cháu Tr đang học tại trường tiểu học cách nhà bố mẹ đẻ chị khoảng 1km, chị có thu nhập tích lũy trong thời gian lao động tại Nhật Bản nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Trân. Chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết 326/2016/UB TVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị An Ph. Giao cháu Trần Phương Th cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Trần Bảo Tr cho chị Ph nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị An Ph đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị An Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, chị Ph đã đưa hai con chung về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Hưng Yên sinh sống sau đó đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, chị Ph cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị Ph đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Phương Th sinh ngày 27/02/2011 và Trần Bảo Tr sinh ngày 06/8/2016, anh T đề nghị được nuôi 02 con chung, chị Ph đề nghị giao cháu Th cho anh T, giao cháu Tr cho chị nuôi dưỡng.

Xét anh T và chị Ph đều có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, cháu Th có nguyện vọng được ở với anh T, cháu Tr có nguyện vọng được ở với chị Ph. Vì vậy cần giao cháu Th cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Tr cho chị Ph nuôi dưỡng, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, đảm bảo đảm quền lợi cho các đương sự và con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị An Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương Th, sinh ngày 27/02/2011 cho anh Trần Thanh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Bảo Trân, sinh ngày 06/8/2016 cho chị Nguyễn Thị An Ph trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th và cháu Tr đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Anh T và chị Ph không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chị Nguyễn Thị An Ph có nghĩa vụ bàn giao cháu Trần Phương Th cho anh Trần Thanh T nuôi dưỡng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006839 ngày 10/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị Ph vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Dũng